

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-PT

Ngày: 16-12-2020

V/v " *Tranh chấp hợp đồng  
mua bán hàng hóa*"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Tỷ

*Các Thẩm phán:*

Ông Nguyễn Minh Thành,

Bà Nguyễn Thị Như Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa:**  
Bà Phan Thị Tứ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLPT-DS ngày 13/10/2020 về việc “*tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày: 10-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 27/2020/QĐ-PT ngày 23 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Hữu Th., sinh năm 1950; địa chỉ: Số 75 đường Quang Tr., tổ dân phố 1, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thủy Ch.; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Hoàng Văn Tr1., sinh năm 1972 và chị Đinh Thị M., sinh năm 1979 (Tên gọi khác: Mận); Cùng trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Anh Phạm Hữu L., sinh năm 1975 và chị Nguyễn Thị Ch1., sinh năm 1981; Cùng trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum. Có mặt.

+ Bà Bùi Thị B., sinh năm 1954; địa chỉ: Tổ dân phố 1, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Bùi Thị B.. Ông Phạm Hữu Th., sinh năm: 1950; địa chỉ: Số 75 đường Quang Tr., tổ dân phố 1, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum. (*Văn bản ủy quyền ngày 24/6/2020*). Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong đơn khởi kiện đề ngày 20-4-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Phạm Hữu Th. trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:*

Giữa ông và anh Nguyễn Thủy Ch. trước đây không quen biết nhau và chưa có quan hệ làm ăn với nhau. Niên vụ cà phê năm 2019, chị Đinh Thị M. (tên gọi khác: Mận) đặt vấn đề mua cà phê quả tươi của gia đình nhà ông Th. (ông Th., bà B., chị Ch1., anh L.) thỏa thuận giá cả theo thời điểm, giao nhận tại đầu lô, xe chở người mua chịu trách nhiệm, cộng tiền bao bì đựng cà phê. Ngày 29, 30/11/2019 chị M. dẫn anh Nguyễn Thủy Ch. đến đầu lô cà phê gia đình nhà ông. Anh Ch. cùng chị M. và gia đình ông Th. trực tiếp cân, giao cà phê, anh Ch. là người trực tiếp ghi sổ có sự chứng kiến của chị M.. Do ông Biện Văn Đức là người tổ dân phố 1 trực tiếp chở cà phê về cho anh Ch. đỗ tại đường Hà Huy Tập, số lượng cụ thể như sau: Ngày 29/11/2019 là 2.970 kg (đã trừ bì); ngày 30/11/2019 là 2.752 kg, hai ngày này là do chị M. ký trong sổ.

Tiếp theo từ ngày 01/12/2019 đến ngày 03/12/2019 tại xã Đăk Ngọc, anh Ch. trực tiếp đến nhận cân cà phê tươi và theo xe anh Đức chở cho anh Ch. cùng về đường Hà Huy Tập, thị trấn Đ.H, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum, số lượng (đã trừ bì) cụ thể như sau: Ngày 01/12/2019 là 2.412 kg; ngày 02/12/2019 là 2.607 kg và ngày 03/12/2019 là 811 kg, ba ngày này là do anh Ch. ký nhận. Tổng cộng 05 ngày là 11.552 kg cà phê tươi nhân với giá thời điểm là 6.800 đồng/kg cà phê quả tươi, thành tiền là 78.553.600 đồng (*bảy mươi tám triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, sáu trăm đồng*). Do tuổi cao mắt kém nên ông Th. có giao cho con dâu là Nguyễn Thị Ch1. ghi chép, cân giao ký nhận sổ sách. Rẫy cà phê của ông Th., bà B. tại Thôn 1, xã Hà Môn, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum có 750 cây, ông Th., bà B. cho chị Ch1. và anh L. 250 cây để canh tác.

Nay, ông Th. yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Thủy Ch. thanh toán cho gia đình ông với số tiền 78.553.600 đồng và không yêu cầu lãi suất.

*Tại bản tự khai ngày 20/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn anh Nguyễn Thủy Ch. trình bày:*

Anh Nguyễn Thủy Ch. không thừa nhận việc anh có mua bán cà phê tươi với gia đình ông Th..

Vào tháng 8 – 9 năm 2019, vợ chồng anh Hoàng Văn Tr1. và chị Đinh Thị M. thống nhất bán cho anh 11 tấn cà phê quả tươi, anh Ch. đã trực tiếp trả tiền cho anh Tr1., chị M. và anh Tr1. chị M. sẽ giao cà phê tươi cho anh Ch. vào mùa thu hoạch cà phê năm 2019.

Ngày 29 và 30 tháng 11 năm 2019, chị M. có dẫn anh Ch. đến rẫy cà phê tại Thôn 1, xã Hà Mòn, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum để nhận cà phê tươi chị M. trả. Tổng số cà phê tươi của 02 ngày này là 5.722 kg.

Ngày 01 đến ngày 03 tháng 12 năm 2019, chị M. dẫn anh Ch. đến rẫy cà phê tại thôn Đăk Kđem, xã Đăk Ngọc, huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum để nhận số cà phê tiếp theo, nhưng do chị M. bận chuyện gia đình và không ở lại trực tiếp cân cà phê được, nên nhờ anh Ch. ở lại cân và ghi nhận số cà phê tươi của 03 ngày này. Tổng số cà phê tươi của 03 ngày là 5.830 kg. Trong 03 ngày này, anh Ch. và chị Nguyễn Thị Ch1. có xác nhận là số cà phê của 03 ngày này là của chị M. trả cho anh Ch.. Tổng cộng 05 ngày là 11.552 kg cà phê tươi; 552 kg cà phê tươi dư anh Ch. đã trả tiền đủ cho anh Tr1. và chị M. là 3.422.000 đồng vào ngày 05/12/2019.

Xe chở cà phê đều là do chị M. thuê và tự trả tiền để chở về cho anh Ch.. Nay, ông Th. khởi kiện yêu cầu anh Ch. phải trả số tiền là 78.553.600 đồng anh Ch. không đồng ý. Việc ông Th. và chị M. thỏa thuận mua bán cà phê tươi với nhau anh Ch. không liên quan.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Phạm Hữu L., chị Nguyễn Thị Ch1. khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh, chị trình bày:*

Vào niên vụ cà phê năm 2019 chị Ch1. được ông Th. giao cho việc ghi chép và cân cà phê của gia đình. Chị Đinh Thị M. (Mận) có đặt vấn đề mua cà phê tươi của ông Th. và chị Ch1., theo giá thỏa thuận vào thời điểm và nhận cân tại lô. Vào ngày 29/11/2019 chị M. có dẫn anh Ch. vào rẫy của ông Th. tại xã Hà Mòn để cân cà phê tươi. Ngày 29 và 30/11/2019, anh Ch. là người ghi mã cân cà phê và chị M. là người ký xác nhận. Vào ba ngày 01 đến ngày 03/12/2019 tại rẫy cà phê ở xã Đăk Ngọc anh Ch. là người viết mã cân cà phê và ký xác nhận.

Rẫy cà phê tại xã Hà Mòn là của ông Th., ông Th. có cho chị Ch1. và anh L. là 250 cây; rẫy cà phê tại xã Đăk Ngọc là của chị Ch1. và anh L. có 650 cây cà phê.

*Tại bản tự khai ngày 20/5/2020, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Tr1. và chị Đinh Thị M. (Mận) trình bày:*

Đối với số tiền 78.553.600 đồng (Bảy mươi tám triệu, năm trăm năm mươi ba ngàn, sáu trăm đồng) mà ông Phạm Hữu Th. khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thủy Ch. phải trả là không đúng. Số tiền này là được tính từ 11.552 kg cà phê tươi được mua từ rẫy cà phê của gia đình ông Th., số cà phê tươi này là do chị M. đặt vấn đề mua cà phê với chị Ch1., ông Th.. Hai bên còn giao dịch về tiền bao bì và xe vận chuyển đều do chị M. chịu, vì vậy không liên quan gì đến anh Ch.. Việc chốt giá cà phê tươi cũng là ông Th. chốt với anh Tr1. (chồng chị M.). Chị M. và anh Tr1. có làm giấy bán cà phê cho anh Ch., anh Ch. đã trả hết số tiền mua bán cà phê cho chị M. kể cả số cà phê lấy dư là 552 kg ; chị M. mua cà phê tươi của gia đình ông Th. là để trả số cà phê mà chị M., anh Tr1. đã bán trước đây cho anh Ch..

Ông Th. và chị Ch1. đã nhiều lần gọi điện và nhắn tin yêu cầu anh Tr1., chị M. trả số tiền trên nhưng do hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên chưa thể trả được, khi thấy anh Tr1. và chị M. không có khả năng trả nên ông Th. đã đến đòi nợ anh Ch.. Ông Tr1. và chị M. đã giải thích và nói sẽ trả khoản tiền trên cho ông Th., anh Ch. không liên quan đến số tiền trên nhưng gia đình ông Th. không đồng ý.

Về tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp anh, chị đã được xem và không có ý kiến gì về những tài liệu, chứng cứ do các bên giao nộp.

*Tại bản tự khai ngày 21/5/2020, người làm chứng anh Biện Văn Đức trình bày:*

Niên vụ cà phê năm 2019, anh được ông Phạm Hữu Th. gọi chở cà phê tươi từ rẫy về đường Hà Huy Tập. Anh Ch. là người trực tiếp cân cà phê và đi cùng xe chở cà phê về. Anh Đức không quen biết anh Ch., chị M. và anh Tr1.. Anh Đức không biết việc mua bán cà phê giữa các bên và chị M. là người trả tiền thuê xe cho anh Đức. Số tiền thuê xe chị M. trả là 1.300.000 đồng.

Với những nội dung trên tại bản án số 20/2020/DS-ST ngày: 10-9-2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 117; Điều 430 của Bộ luật dân sự 2015.

**Xử:** Không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của nguyên đơn ông Phạm Hữu Th..

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

Ngày 27/9/2020 ông Phạm Hữu Th. kháng cáo, yêu cầu: xác minh, làm rõ một số tài liệu chứng cứ, lời khai, biên bản đối chất có dấu hiệu sửa đổi; phân tích làm rõ nhận định, quyết định của Tòa án đảm bảo đúng bản chất vụ việc, đúng quy định của pháp luật.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kon Tum phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà: đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với những người tham gia tố tụng: các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án: về thẩm quyền, tư cách tố tụng, thời hiệu khởi kiện Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: không có căn cứ chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Hữu Th., đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Hữu Th. trình bày: giữ nguyên đơn kháng cáo và đơn khởi kiện, đề nghị anh Ch. phải trả cho ông số tiền 78.553.600 đồng.

Anh Nguyễn Thủy Ch. thống nhất với bản án sơ thẩm, không đồng ý với kháng cáo của ông Th..

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**[1]** Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Phạm Hữu Th. không thay đổi, bổ sung hay rút nội dung đơn kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

**[2]** Về thủ tục tố tụng: cấp sơ thẩm xác định đầy đủ những người tham gia tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định.

**[3]** Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

[3.1] Xét đơn kháng cáo: về hình thức, thời hạn, phạm vi kháng cáo đúng theo quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận để xem xét.

[3.2] Về nội dung kháng cáo:

[3.2.1] Ông Phạm Hữu Th. yêu cầu xác minh, làm rõ một số tài liệu chứng cứ, lời khai, biên bản đối chất có dấu hiệu sửa đổi:

Ngày 09/11/2020, Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập ông Th. lên làm việc. Tại đây ông Th. trình bày: “Biên bản đối chất ngày 28/5/2020, bút lục 44, câu *“Khi hai bên xuống cân cà hai bên không có thỏa thuận mua bán với nhau”* tôi có ý kiến như sau: Vì chúng tôi đã thỏa thuận mua bán với bà M. *“mua cà phê tươi, cân tại đầu lô, giá tại thời điểm người bán chốt đối với người mua sau khi cân cà phê, xe người mua chịu trách nhiệm”* khoảng một ngày trước khi hái cà phê (28/11/2019), không thể ngày nào cân cà cũng thỏa thuận lại giá cả. Sau đó bà M. dẫn anh Ch. xuống nhận cà, anh Ch. là người trực tiếp nhận cà phê. Khi gia đình tôi yêu cầu bà M. trả tiền thì bà M. nói *“để tôi gọi anh Ch. chuẩn bị tiền”*. ”

Như vậy, không có căn cứ cho rằng biên bản đối chất có dấu hiệu sửa đổi.

[3.2.2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Ông Phạm Hữu Th. khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Thủy Ch. trả số tiền 78.553.600 đồng, tương ứng với 11.552 kg cà phê tươi mà gia đình ông giao cho anh Ch. vào các ngày 29/11/2019, 30/11/2020, 01/12/2019, 02/12/2019, 03/12/2019. Xét thấy:

Việc thu mua cà phê vào các ngày 29/11/2019, 30/11/2020: bút lục số 10 (ông Th. nộp), bản tự khai của ông Th. ngày 21/5/2020 (bút lục 20), bản tự khai của bà Đinh Thị M. ngày 20/5/2020 (bút lục 23) đều khẳng định hai ngày này

người nhận cà phê là bà Đinh Thị M.. Như vậy, hai ngày 29/11/2019, 30/11/2020 ông Th. kiện yêu cầu ông Ch. trả tiền mua cà phê là không có căn cứ, vì anh Ch. không nhận số cà phê này từ ông Th., mà người nhận cà phê là bà Đinh Thị M..

Việc thu mua cà phê vào các ngày 01/12/2019, 02/12/2019, 03/12/2019: Tại bút lục 21, chị Nguyễn Thị Ch1. (con dâu ông Th.) khai: *“bà Đinh Thị M. tức “Mận” có đặt vấn đề mua cà phê tươi của ông Phạm Hữu Th. và chị Nguyễn Thị Ch1.”*, *“ngày 29/11/2019 bà M. có dẫn ông Nguyễn Thủy Ch. đến rẫy của gia đình tôi cân cà phê”*. Tại các bút lục 88, 87 do anh Ch. cung cấp, thể hiện số cà phê mà anh nhận của chị Nguyễn Thị Ch1. là *“cân cà của M. trả”*. Bà Đinh Thị M. (Mận) thừa nhận: bà là người mua cà phê của ông Phạm Hữu Th., khối lượng 11.552 kg vào các ngày 29/11/2019, 30/11/2020, 01/12/2019, 02/12/2019, 03/12/2019. Ông Nguyễn Thủy Ch. chỉ là người nhận thay bà M., bà M. thừa nhận trách nhiệm trả tiền mua cà phê với ông Phạm Hữu Th. (bl 23, 24).

Qua các tài liệu chứng cứ trên, có cơ sở khẳng định: gia đình ông Phạm Hữu Th. trao đổi mua bán cà phê vào các ngày 29/11/2019, 30/11/2020, 01/12/2019, 02/12/2019, 03/12/2019 với bà Đinh Thị M.. Anh Nguyễn Thủy Ch. được bà M. yêu cầu nhận thay cà phê vào các ngày 01/12/2019, 02/12/2019, 03/12/2019. Ông Th. cũng thừa nhận khi ông muốn lấy tiền bán cà phê, ông đã liên hệ với vợ chồng bà M. để chốt giá và yêu cầu trả tiền, chứ không phải liên hệ với ông Nguyễn Thủy Ch.. Do đó, người có trách nhiệm trả tiền mua cà phê cho gia đình ông Phạm Hữu Th. là bà Đinh Thị M. chứ không phải anh Nguyễn Thủy Ch.. Ông Nguyễn Thủy Ch. đã trả hết số tiền mua cà phê cho bà Đinh Thị M.. Tòa án nhân dân huyện Đ.H quyết định không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Phạm Hữu Th. là đúng pháp luật. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của ông Phạm Hữu Th., giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét thấy, tại thời điểm mua cà phê của ông Phạm Hữu Th., bà Đinh Thị M. biết mình không có khả năng tài chính để trả tiền mua cà phê cho ông Th., nhưng vẫn cố tình thỏa thuận mua cà phê để chuyển cho ông Nguyễn Thủy Ch. nhằm mục đích cản trở nợ trước đây cho ông Ch.. Hiện nay bà M. không trả toàn bộ số tiền trên cho ông Th.. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị: Cơ quan điều tra công an huyện Đ.H tỉnh Kon Tum xem xét trách nhiệm của bà Đinh Thị M., có dấu hiệu của hành vi *“lừa đảo chiếm đoạt tài sản”*.

#### **[4]Về án phí:**

Ông Phạm Hữu Th. là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015:

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Hữu Th., giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 20/2020/DS-ST ngày: 10-9-2020 của Tòa án

nhân dân huyện Đ.H, tỉnh Kon Tum, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 117; Điều 430 của Bộ luật dân sự 2015.

**Xử:** Không chấp nhận toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện về việc "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*" của nguyên đơn ông Phạm Hữu Th..

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Phạm Hữu Th. được miễn nộp tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (16/12/2020).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Kon Tum.
- TAND huyện Đ.H ;
- CQĐT CA huyện Đ.H, Kon Tum
- Cục THADS tỉnh Kon Tum,
- Chi cục THADS huyện Đ.H
- ;
- NTGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Tỷ**